



W  
28/3

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Báo cáo tài chính cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 045/QĐ-TCTD ngày 29 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 4 tháng 1 năm 2016, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ký ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**Giấy chứng nhận đăng ký**  
**Doanh nghiệp số** 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016

Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển sang mô hình cổ phần hóa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
	Ông Nguyễn Trí Lý	Thành viên
	Ông Lê Nam Thắng	Thành viên
	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trí Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Tô Thị Lý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2017)

**Trụ sở đăng ký** Số 87 Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh - thông tin so sánh**

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc thông tin so sánh được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 dựa trên các số dư tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.

## **Vấn đề khác liên quan đến thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 (ngày chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, mà từ đó các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được trích ra, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 3 năm 2017.

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính được áp dụng để điều chỉnh các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 mà thông tin so sánh được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 dựa trên các số dư đó. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoài các thủ tục kiểm toán được áp dụng đối với các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra bất cứ ý kiến hay hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính đó. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính là phù hợp và được áp dụng đúng đắn.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-188



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0296-2018-007-1

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.730.256.659.174</b>	<b>1.289.072.795.984</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>64.522.280.792</b>	<b>55.595.634.518</b>
Tiền	111		64.522.280.792	55.595.634.518
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.771.312.461</b>	<b>24.771.312.461</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5	24.771.312.461	24.771.312.461
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>744.074.551.239</b>	<b>769.596.757.638</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	656.939.591.087	667.709.355.838
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.793.842.086	3.878.134.999
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	76.817.183.505	103.560.838.065
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.476.065.439)	(5.551.571.264)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>873.152.338.275</b>	<b>436.506.946.165</b>
Hàng tồn kho	141		873.152.338.275	436.506.946.165
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.736.176.407</b>	<b>2.602.145.202</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.707.347.951	2.580.894.295
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	28.828.456	21.250.907
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>133.100.169.085</b>	<b>98.579.130.194</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.905.665.623</b>	<b>63.100.544.081</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	61.133.053.743	34.327.932.201
<i>Nguyên giá</i>	222		163.391.794.297	128.347.497.562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(102.258.740.554)	(94.019.565.361)
Tài sản cố định vô hình	227	11	28.772.611.880	28.772.611.880
<i>Nguyên giá</i>	228		31.479.045.080	31.479.045.080
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>637.272.812</b>	<b>16.975.963.247</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	637.272.812	16.975.963.247
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.557.230.650</b>	<b>18.502.622.866</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	42.557.230.650	18.502.622.866
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.863.356.828.259</b>	<b>1.387.651.926.178</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.641.094.866.892</b>	<b>1.155.026.696.727</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.639.549.648.286</b>	<b>1.153.481.478.121</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	578.555.119.977	443.962.385.687
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.972.298.672	45.067.911.288
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	923.037.442	2.454.164.952
Phải trả người lao động	314		14.043.637.466	11.343.935.212
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.298.045.812	7.048.937.309
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	115.722.719.187	113.319.999.973
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	889.083.970.171	529.665.651.984
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.950.819.559	618.491.716
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.545.218.606</b>	<b>1.545.218.606</b>
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>222.261.961.367</b>	<b>232.625.229.451</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>222.261.961.367</b>	<b>232.625.229.451</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	2.444.991.780	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.026.969.587	22.835.229.451
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.444.991.781	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.581.977.806	22.835.229.451
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.863.356.828.259</b>	<b>1.387.651.926.178</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền  
 Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Liêm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.392.703.966.009	2.240.985.577.809
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.678.873.991	10.031.100.041
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>2.390.025.092.018</b>	<b>2.230.954.477.768</b>
Giá vốn hàng bán	11		2.121.693.945.867	1.956.874.076.446
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>268.331.146.151</b>	<b>274.080.401.322</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12.253.220.899	9.787.102.670
Chi phí tài chính	22	26	62.721.765.061	39.356.257.554
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.274.327.398	27.369.659.441
Chi phí bán hàng	25	27	162.628.680.392	173.343.658.821
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.055.452.801	37.264.562.231
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>35.178.468.796</b>	<b>33.903.025.386</b>
Thu nhập khác	31	29	10.559.634.032	2.981.336.225
Chi phí khác	32	30	2.407.806.204	738.694.595
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>8.151.827.828</b>	<b>2.242.641.630</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>43.330.296.624</b>	<b>36.145.667.016</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	8.769.318.818	7.310.437.565
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>34.560.977.806</b>	<b>28.835.229.451</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.306	1.088

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền  
Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư  
Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Liêm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>43.330.296.624</b>	<b>36.145.667.016</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		12.676.078.471	20.216.573.041
Các khoản dự phòng	03		(4.075.505.825)	5.551.571.264
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.914.021.943	(3.403.017.461)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.346.907.091)	(440.792.257)
Chi phí lãi vay	06		37.274.327.398	27.369.659.441
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>91.772.311.520</b>	<b>85.439.661.044</b>
Biến động các khoản phải thu	09		8.463.681.019	(79.728.906.207)
Biến động hàng tồn kho	10		(436.645.392.110)	(74.538.351.266)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		97.669.407.670	55.998.360.070
Biến động chi phí trả trước	12		3.651.366.466	9.354.836.494
			<b>(235.088.625.435)</b>	<b>(3.474.399.865)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(36.864.817.171)	(27.369.659.441)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.658.281.549)	(8.933.679.994)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		513.350.720	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.343.068.767)	(10.160.825.425)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(284.441.442.202)</b>	<b>(49.938.564.725)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(52.350.604.470)	(11.312.368.351)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.701.100.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		307.927.733	440.792.257
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(49.341.576.737)</b>	<b>(10.871.576.094)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.622.809.235.876	2.174.333.775.085
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.263.369.964.094)	(2.102.295.368.943)
Tiền trả cổ tức	36		(16.766.715.200)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>342.672.556.582</b>	<b>72.038.406.142</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>8.889.537.643</b>	<b>11.228.265.323</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	4	55.595.634.518	44.392.688.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		37.108.631	(25.318.822)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>64.522.280.792</b>	<b>55.595.634.518</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

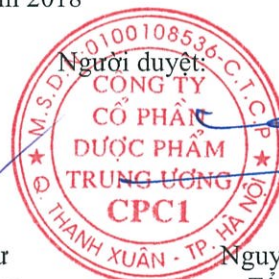


Ninh Thị Thu Hiền  
 Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Liêm  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Văn phòng Công ty, 2 cơ sở bán buôn và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 1	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00005 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 5	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-008 ngày 28 tháng 11 năm 1998 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Bắc Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-012 ngày 28 tháng 6 năm 2002 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-013 ngày 25 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Đà Nẵng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-014 ngày 24 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Gia Lai	Đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Gia Lai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-015 ngày 8 tháng 2 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Nghệ An	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-016 ngày 5 tháng 4 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 365 nhân viên (1/1/2017: 383 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (f) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

### (g) Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài nên không thực hiện phân bổ.

#### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

### (h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định khi đánh giá lại giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty thông qua quá trình cổ phần hóa và được phân bổ trong 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước được thanh toán một lần và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 33 đến 45 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm các chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(m) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.328.156.390	3.166.076.898
Tiền gửi ngân hàng	59.194.124.402	52.429.557.620
	<hr/>	<hr/>
	64.522.280.792	55.595.634.518

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017				1/1/2017			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.000.000	20.443.659.675	(*)	-	2.000.000	20.443.659.675	(*)	-
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.820	2.384.307.722	(*)	-	50.820	2.384.307.722	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	75.000	971.029.662	(*)	-	75.000	971.029.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	17.600	300.659.375	(*)	-	16.000	300.659.375	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	18.000	472.871.724	(*)	-	18.000	472.871.724	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyen Quang	18.000	197.784.303	(*)	-	18.000	197.784.303	(*)	-
Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	10	1.000.000	(*)	-	10	1.000.000	(*)	-
		<u>24.771.312.461</u>	(*)	-		<u>24.771.312.461</u>	(*)	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản chứng khoán kinh doanh này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá gốc.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	13.725.880.842	21.528.137.990
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	1.062.234.295	2.899.512.895
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	226.800.000	6.372.870
<b>Bên thứ ba</b>		
Bệnh viện Bạch Mai	33.118.302.301	38.329.848.335
Bệnh Viện Chợ Rẫy	24.990.012.939	15.695.199.246
Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	20.953.102.980	-
Bệnh viện Tim Hà Nội	16.761.777.347	13.769.141.213
Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát	16.582.163.984	302.162.669
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Vũ Châu	15.227.065.560	-
Bệnh Viện Đa khoa Tỉnh Kon Tum	14.178.040.469	11.239.380.934
Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	13.345.250.624	6.035.863.086
Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	11.279.386.828	24.721.221.089
Bệnh viện Phụ sản Trung ương	10.492.308.080	7.212.204.316
Bệnh viện K	8.210.271.130	15.606.187.191
Các khách hàng khác	456.786.993.708	510.364.124.004
	656.939.591.087	667.709.355.838

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác	71.813.833.843	80.743.321.325
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	3.766.011.464	6.528.558.868
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	646.078.999	875.104.999
Phải thu ngắn hạn khác	591.259.199	15.413.852.873
	76.817.183.505	103.560.838.065

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trung tâm Y tế Huyện Mường Tè	Từ 6 tháng đến 1 năm	590.000.000	(177.000.000)	413.000.000	-	-	-	-
Viện Y học Biển Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	268.370.002	(80.511.001)	187.859.001	-	-	-	-
Trung tâm Y tế Huyện Ba Chẽ	Từ 1 năm đến 2 năm	240.977.148	(93.828.654)	147.148.494	Từ 6 tháng đến 1 năm	137.441.088	(53.340.927)	84.100.161
Công ty TNHH Dược phẩm Đa Phúc	Từ 1 năm đến 2 năm	154.993.793	(77.496.897)	232.490.690	Từ 6 tháng đến 1 năm	143.502.594	(43.050.778)	100.451.816
Công ty Cổ phần Y tế Tâm Phúc	Từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	(134.749.917)	15.250.083	Từ 6 tháng đến 3 năm	181.874.969	(111.970.821)	69.904.148
Công ty TNHH Phương Nam		-	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	3.303.999.174	(991.199.752)	2.312.799.422
Công ty TNHH Dược phẩm & Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức		-	-	-	Dưới 6 tháng	848.399.999	-	848.399.999
Khác	Từ 1 năm đến 3 năm	2.320.898.803	(912.478.970)	1.253.426.039	Từ 6 tháng đến 2 năm	11.722.953.734	(4.352.008.986)	7.370.944.748
		<b>3.725.239.746</b>	<b>(1.476.065.439)</b>	<b>2.249.174.307</b>		<b>16.338.171.558</b>	<b>(5.551.571.264)</b>	<b>10.786.600.294</b>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.476.065.439)				(5.551.571.264)	

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Hàng mua đang đi trên đường	15.370.903.002	2.963.990.149
Hàng hóa	857.781.435.273	433.542.956.016
	<hr/>	
	873.152.338.275	436.506.946.165
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 297.216 triệu VND (1/1/2017: 154.532 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

/ \ H H P \ / \

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	87.899.469.028	23.470.238.880	15.822.132.909	1.155.656.745	128.347.497.562
Tăng trong năm	-	-	-	1.017.922.500	1.017.922.500
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.409.023.523	4.748.371.543	944.618.182	-	39.102.013.248
Thanh lý	-	(4.528.102.000)	(547.537.013)	-	(5.075.639.013)
Số dư cuối năm	121.308.492.551	23.690.508.423	16.219.214.078	2.173.579.245	163.391.794.297
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	60.169.933.219	19.253.414.383	13.471.397.619	1.124.820.140	94.019.565.361
Khấu hao trong năm	9.167.178.967	1.630.940.496	730.372.118	124.201.983	11.652.693.564
Thanh lý	-	(2.865.981.358)	(547.537.013)	-	(3.413.518.371)
Số dư cuối năm	69.337.112.186	18.018.373.521	13.654.232.724	1.249.022.123	102.258.740.554
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	27.729.535.809	4.216.824.497	2.350.735.290	30.836.605	34.327.932.201
Số dư cuối năm	51.971.380.365	5.672.134.902	2.564.981.354	924.557.122	61.133.053.743

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 37.925 triệu VND (1/1/2017: 27.457 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.880 triệu VND (1/1/2017: 12.019 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	28.777.831.880	2.701.213.200	31.479.045.080
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	28.772.611.880	-	28.772.611.880

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.701 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 2.701 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Số dư đầu năm/kỳ	16.975.963.247	5.663.594.896
Tăng trong năm/kỳ	22.763.322.813	11.312.368.351
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(39.102.013.248)	-
Số dư cuối năm/kỳ	637.272.812	16.975.963.247

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Tòa nhà văn phòng Công ty	637.272.812	16.975.963.247

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	12.035.824.416	4.253.105.529	2.213.692.921	-	18.502.622.866
Tăng trong năm	-	28.729.359.157	-	4.580.238.663	33.309.597.820
Phân bổ trong năm	(6.017.912.208)	(1.023.384.907)	(2.213.692.921)	-	(9.254.990.036)
Số dư cuối năm	6.017.912.208	31.959.079.779	-	4.580.238.663	42.557.230.650



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	5.386.632.509	4.713.717.003
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	6.528.375	9.570.750
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	9.534.000	2.948.400
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	-	560.569.922
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	-	53.055.030
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	-	54.378.214
<b>Bên thứ ba</b>		
Hyphens Pharma Pte. Ltd	174.973.374.144	17.255.786.817
Growena Impex Company	52.125.305.029	18.090.084.826
Ahn Gook Pharmaceutical Co., Ltd	42.394.693.388	-
Ever Neuro Pharma GMBH	39.563.716.183	31.939.205.205
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	36.844.969.590	38.397.477.955
Saga Laboratories	24.504.021.241	19.397.976.910
Polpharma S.A. Pharmaceutical Works	23.046.673.660	-
Sung Kwang Pharm Co., Ltd	13.827.004.125	-
Các nhà cung cấp khác	165.872.667.733	313.487.614.655
	<b>578.555.119.977</b>	<b>443.962.385.687</b>

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong năm VND	Chuyển từ số phải nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	21.250.907	-	-	21.250.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	7.577.549	7.577.549
	<b>21.250.907</b>	<b>-</b>	<b>7.577.549</b>	<b>28.828.456</b>

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	Chuyển sang số phải thu trong năm VND	31/12/2017 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	142.616.614	227.070.335.508	(227.139.023.378)	-	73.928.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	881.385.182	8.769.318.818	(9.658.281.549)	7.577.549	-
Thuế thu nhập cá nhân	656.664.137	1.618.384.597	(1.453.532.166)	-	821.516.568
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	773.461.847	3.038.265.421	(3.811.727.268)	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Phí, lệ phí	37.172	550.823.711	(523.268.753)	-	27.592.130
	2.454.164.952	241.047.128.055	(242.585.833.114)	7.577.549	923.037.442

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Kinh phí công đoàn	101.046.610	100.359.200
Phải trả hàng ủy thác	50.404.013.658	80.311.936.483
Phải trả hàng vay mượn	8.599.876.661	20.338.559.895
Cổ tức phải trả	20.995.484.800	-
Vốn hợp tác kinh doanh phải trả Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần – công ty mẹ	20.000.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.622.297.458	12.569.144.395
	<hr/>	
	115.722.719.187	113.319.999.973
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		31/12/2017		
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	529.665.651.984	2.622.809.235.876	(2.263.369.964.094)	(20.953.595)	889.083.970.171
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:					
			<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)			5% - 6,2%	167.846.677.512	134.262.400.339
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)			5% - 6,2%	247.680.105.682	128.776.881.357
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)			4,9% - 5,8%	50.852.022.218	50.731.241.775
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)			5,5% - 6,2%	73.773.356.242	37.258.584.482
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (i)			4,9% - 6,0%	150.123.445.500	86.159.298.086
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)			4,9% - 7,0%	75.911.834.808	33.251.769.326
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)			1,8%	31.758.667.004	14.057.476.619
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu – Chi nhánh Thủ Đức (iv)			4,9% - 5,0%	40.818.115.205	-
Vay cá nhân (iv)			6,6%	50.319.746.000	45.168.000.000
				<b>889.083.970.171</b>	<b>529.665.651.984</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại số 356A Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội có giá trị còn lại là 3.022 triệu VND (1/1/2017: 6.044 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 297.216 triệu VND (1/1/2017: 154.532 triệu VND) (Thuyết minh 9).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại lô 20 đường số 7, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị còn lại là 2.858 triệu VND (1/1/2017: 5.975 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iv) Các khoản vay này không được đảm bảo.

## 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Số dư đầu năm/kỳ	618.491.716	4.779.317.141
Trích lập trong năm/kỳ (*)	7.162.045.890	6.000.000.000
Sử dụng trong năm/kỳ	(3.343.068.767)	(10.160.825.425)
Tăng khác	513.350.720	-
Số dư cuối năm/kỳ	4.950.819.559	618.491.716

- (\*) Việc phân bổ tạm vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được thực hiện theo tờ trình ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Quản trị dựa trên kế hoạch phối lợi nhuận năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt trong cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 4 tháng 1 năm 2016</b>	209.790.000.000	15.079.729.852	-	224.869.729.852
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	28.835.229.451	28.835.229.451
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Chuyển về Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	(15.079.729.852)	-	(15.079.729.852)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	209.790.000.000	-	22.835.229.451	232.625.229.451
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	34.560.977.806	34.560.977.806
Phân bổ vào các quỹ	-	2.444.991.780	(2.444.991.780)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.162.045.890)	(7.162.045.890)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(37.762.200.000)	(37.762.200.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	209.790.000.000	2.444.991.780	10.026.969.587	222.261.961.367

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## **21. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 16.783 triệu VND cho năm 2016, tương đương 8% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016: không có).

Cũng trong cuộc họp này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phân phối cổ tức cho năm 2017 với tỷ lệ bằng 10% mệnh giá trên mỗi cổ phiếu phổ thông. Trong cuộc họp ngày 31 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 20.979 triệu VND cho năm 2017, tương đương 10% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	63.119.170.684	115.628.715.569

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	313.410	7.125.382.287	195.727	4.442.999.722
EUR	6.782	184.873.842	6.781	161.696.627
		7.310.256.129		4.604.696.349

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Năm kết thúc</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016</b>
	<b>ngày 31/12/2017</b>	<b>đến ngày 31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.351.072.892.829	2.176.095.363.079
▪ Cung cấp dịch vụ	41.631.073.180	64.890.214.730
	2.392.703.966.009	2.240.985.577.809
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.678.873.991)	(10.031.100.041)
Doanh thu thuần	2.390.025.092.018	2.230.954.477.768



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Lãi tiền gửi	151.797.733	110.544.657
Cổ tức, lợi nhuận được chia	156.130.000	330.247.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.595.030.719	4.148.100.979
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.403.017.461
Lãi bán hàng trả chậm	2.350.262.447	1.752.136.937
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	43.055.036
	12.253.220.899	9.787.102.670

**26. Chi phí tài chính**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Chi phí lãi vay	37.274.327.398	27.369.659.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.455.950.331	10.869.992.516
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.914.021.943	-
Chiết khấu thanh toán	1.035.676.067	1.010.552.613
Chi phí tài chính khác	41.789.322	106.052.984
	62.721.765.061	39.356.257.554

**27. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	65.143.068.421	55.354.031.190
Chi phí vật liệu, bao bì	5.050.876.435	6.649.098.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.652.693.564	20.216.573.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.185.207.265	68.621.958.034
Chi phí bán hàng khác	24.596.834.707	22.501.997.762
	162.628.680.392	173.343.658.821

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	1.922.478.800	1.920.000.000
Thuế, phí, lệ phí	151.713.918	3.772.557.406
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.075.505.825)	5.551.571.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.490.029.511	12.975.438.943
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.566.736.397	13.044.994.618
	<b>20.055.452.801</b>	<b>37.264.562.231</b>

**29. Thu nhập khác**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	7.626.510.500	-
Tiền thu hỗ trợ	-	2.980.836.225
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	2.701.100.000	-
Các khoản khác	232.023.532	500.000
	<b>10.559.634.032</b>	<b>2.981.336.225</b>

**30. Chi phí khác**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý trong năm	1.662.120.642	-
Các khoản phạt	642.484.465	-
Các khoản khác	103.201.097	738.694.595
	<b>2.407.806.204</b>	<b>738.694.595</b>

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.121.693.945.867	1.956.874.076.446
Chi phí nhân viên	67.065.547.221	57.274.031.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.676.078.471	20.216.573.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.675.236.776	81.597.396.977
Chi phí khác	32.267.270.725	51.520.219.844

**32. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	8.111.037.269	7.310.437.565
Điều chỉnh thuế của năm trước	658.281.549	-
	<b>8.769.318.818</b>	<b>7.310.437.565</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.330.296.624	36.145.667.016
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.666.059.325	7.229.133.403
Chi phí không được khấu trừ thuế	96.850.893	81.304.162
Thu nhập không bị tính thuế	(651.872.949)	-
Điều chỉnh thuế của năm trước	658.281.549	-
	<b>8.769.318.818</b>	<b>7.310.437.565</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm/kỳ	34.560.977.806	28.835.229.451
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.162.045.890)	(6.000.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	27.398.931.916	22.835.229.451

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm/kỳ	20.979.000	20.979.000

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch cho</b>	
	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 31/12/2016 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	10.977.240.000	-
Cổ tức công bố	13.721.550.000	-
Nhận vốn hợp tác kinh doanh	20.000.000.000	-
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.079.738.120	742.807.999
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.973.612.328	26.954.188.526
Cổ tức công bố và đã trả	2.400.000.000	-
Cổ tức công bố	3.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	957.756.000	2.070.600.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.972.278.000	6.045.071.492
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	378.000.000	6.372.870
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.761.835.236	36.575.669
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	186.678.570
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	133.629.090
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.494.557.447	12.603.187.312
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.034.286	584.723.618
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.708.130.000	1.036.103.250
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.100.603
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	226.512.000	746.618.741
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.539.033.701	4.774.042.263
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	2.034.693.926	1.647.165.197

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thông tin so sánh**

**Điều chỉnh lại**

Khi lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phát hiện sai sót liên quan đến việc ghi nhận hàng ủy thác nhập khẩu trong hàng tồn kho và phải trả ngắn hạn khác trong báo cáo tài chính năm trước chưa phù hợp với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng những sai sót này là trọng yếu và cần được điều chỉnh hồi tố. Do đó một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	<b>1/1/2017</b> <b>Theo báo cáo</b> <b>trước đây</b> <b>VND</b>	<b>Điều chỉnh</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b> <b>VND</b>
Hàng tồn kho	552.135.661.734	(115.628.715.569)	436.506.946.165
Phải trả ngắn hạn khác	228.948.715.542	(115.628.715.569)	113.319.999.973

**(b) Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>1/1/2017</b> <b>Theo báo cáo</b> <b>trước đây</b> <b>VND</b>	<b>Điều chỉnh</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b> <b>VND</b>
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	-	115.628.715.569	115.628.715.569

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Số liệu so sánh**

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số liệu so sánh trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan là số liệu của kỳ từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 (ngày chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các số liệu này có thể không so sánh được tương ứng hoàn toàn với số liệu của năm hiện hành là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền  
Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư  
Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Liêm  
Tổng Giám đốc

